

Payment Entry - Bút toán thanh toán

Payment Entry trong **VHTerp** là một tính năng quan trọng để ghi nhận và quản lý các giao dịch thanh toán giữa doanh nghiệp và các bên liên quan như **khách hàng**, **nhà cung cấp**, hoặc **nhân viên**. Nó giúp cập nhật thông tin tài chính trong hệ thống kế toán, đảm bảo sổ sách luôn chính xác và minh bạch.

Chức năng chính của Payment Entry

- Ghi nhận thanh toán từ khách hàng:**
 - Khi khách hàng thanh toán một phần hoặc toàn bộ hóa đơn.
 - Giảm số dư công nợ (Accounts Receivable).
- Thanh toán cho nhà cung cấp:**
 - Khi công ty thực hiện thanh toán cho hóa đơn mua hàng.
 - Giảm số dư phải trả (Accounts Payable).
- Hoàn tiền hoặc thanh toán không liên quan đến hóa đơn:**
 - Hoàn tiền cho khách hàng (Refund).
 - Thanh toán cho các khoản không gắn liền với hóa đơn, ví dụ: chi phí thuê văn phòng hoặc các khoản ứng trước.
- Điều chỉnh giữa các tài khoản ngân hàng hoặc tiền mặt:**
 - Ghi nhận chuyển tiền giữa các tài khoản ngân hàng.
 - Rút tiền mặt từ ngân hàng hoặc gửi tiền vào ngân hàng.

Các loại Payment Entry

VHTerp hỗ trợ nhiều loại Payment Entry tùy theo mục đích:

- Receive (Nhận thanh toán):**
 - Thanh toán từ khách hàng.
 - Gắn liền với hóa đơn bán hàng (Sales Invoice).
- Pay (Thanh toán):**
 - Thanh toán cho nhà cung cấp.
 - Gắn liền với hóa đơn mua hàng (Purchase Invoice).
- Internal Transfer (Chuyển nội bộ):**

- Chuyển tiền giữa các tài khoản trong cùng doanh nghiệp.
- Ví dụ: Chuyển từ tài khoản ngân hàng A sang tài khoản ngân hàng B.

4. **Refund (Hoàn tiền):**

- Hoàn trả số tiền đã nhận hoặc thanh toán.

5. **Advance Payment (Tạm ứng):**

- Khoản thanh toán trước không gắn liền với hóa đơn cụ thể.
-

Cách tạo Payment Entry

Ví dụ: Nhận thanh toán từ khách hàng

1. Truy cập Payment Entry:

- Vào **Accounting > Payments > Payment Entry**.
- Nhấn **New**.

2. Điền thông tin cơ bản:

- **Payment Type:** Chọn **Receive**.
- **Party Type:** Chọn **Customer**.
- **Party:** Chọn khách hàng cụ thể.
- **Company:** Chọn công ty của bạn.

3. Điền thông tin tài chính:

- **Paid From Account:** Tài khoản nhận tiền (ví dụ: tài khoản ngân hàng).
- **Paid To Account:** Tài khoản công nợ khách hàng (Accounts Receivable).
- **Paid Amount:** Số tiền thanh toán.

4. Liên kết hóa đơn (nếu có):

- Trong mục **References**, chọn hóa đơn (Sales Invoice) mà khách hàng thanh toán.
- Hệ thống tự động khớp số tiền thanh toán.

5. Lưu và Submit:

- Nhấn **Save**, kiểm tra lại thông tin và nhấn **Submit**.
-

Lợi ích của Payment Entry

- **Tự động cập nhật công nợ:** Giảm số dư công nợ khi thanh toán được ghi nhận.
 - **Hỗ trợ thanh toán nhiều hóa đơn cùng lúc:** Một Payment Entry có thể liên kết với nhiều hóa đơn.
 - **Quản lý dòng tiền dễ dàng:** Cung cấp báo cáo chi tiết về dòng tiền thu và chi.
 - **Tự động tính tỷ giá hối đoái:** Hỗ trợ thanh toán bằng nhiều loại tiền tệ với tỷ giá tự động hoặc do người dùng thiết lập.
-

Bài tập thực hành

Tình huống:

Công ty ABC bán hàng cho khách hàng XYZ với hóa đơn **INV-001** trị giá **10,000,000 VND**. XYZ đã thanh toán **5,000,000 VND** qua tài khoản ngân hàng.

Thực hiện:

- Tạo hóa đơn bán hàng (Sales Invoice) cho XYZ.
- Vào **Payment Entry**:
 - Payment Type**: Receive.
 - Party Type**: Customer.
 - Party**: XYZ.
 - Paid From Account**: Tài khoản ngân hàng.
 - Paid To Account**: Accounts Receivable.
 - Paid Amount**: 5,000,000 VND.
- Trong **References**, chọn hóa đơn **INV-001**.
- Lưu và Submit.

Kết quả:

- Hóa đơn **INV-001** sẽ hiển thị số dư còn lại là **5,000,000 VND**.
- Báo cáo dòng tiền cập nhật khoản thu từ XYZ.

Phiên bản #1

Được tạo 7 tháng 1 2025 08:08:31 bởi Đỗ Ngọc Tú

Được cập nhật 7 tháng 1 2025 08:09:15 bởi Đỗ Ngọc Tú